

Số: 22/2023/NQ-HĐND

Vĩnh Phúc, ngày 15 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định các mức chi cụ thể bảo đảm cho công tác phổ biến,
giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC
KHÓA XVII, KỲ HỌP LẦN THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Hòa giải ở cơ sở ngày 20 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp bảo đảm thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hòa giải ở cơ sở;

Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 5 Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở;

Xét Tờ trình số 395 /TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số

HA

mức chi cụ thể bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định các mức chi cụ thể bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

1. Các mức chi cụ thể: Chi biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở đặc thù; chi xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, Ban chỉ đạo các chương trình, đề án, kế hoạch; chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nòng cốt; chi tổ chức cuộc thi, hội thi; chi thực hiện báo cáo thống kê về hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; các khoản chi công tác hòa giải ở cơ sở (*Có Phụ lục kèm theo*).

2. Nội dung chi, mức chi khác bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở và các quy định của tỉnh Vĩnh Phúc có liên quan.

3. Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản dẫn chiếu được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc được thực hiện theo Điều 2 Thông tư số 56/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở và phân cấp ngân sách hiện hành. *PR*

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định một số mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc Khóa XVII, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 15 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2024. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp.
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đảng ủy Khối các cơ quan, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Thường trực các huyện, thành ủy; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Vĩnh Phúc, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng, Chuyên viên Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT. TTND (01). T(100b).

CHỦ TỊCH



Hoàng Thị Thúy Lan

PHỤ LỤC

Các mức chi cụ thể bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc
(Kèm theo Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Đvt: nghìn đồng)			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
1.	Chi biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở đặc thù					
a)	Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tờ gấp đã hoàn thành		1.500		
b)	Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tình huống đã hoàn thành		450		
c)	Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Câu chuyện đã hoàn thành		2.250		
d)	Tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia)	Tiểu phẩm đã hoàn thành		7.500		
2.	Chi xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, Ban chỉ đạo các chương trình, đề án, kế hoạch					
a)	Xây dựng đề cương					
-	Xây dựng đề cương chi tiết	Đề cương	1.200	1000	800	
-	Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát	Đề cương hoàn chỉnh	2.000	1.600	1.300	
b)	Soạn thảo chương trình, đề án, kế hoạch					
-	Soạn thảo Chương trình, đề án, kế hoạch	Chương trình, đề án, kế hoạch	3.000	2.400	1.900	
-	Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến	Báo cáo	500	400	300	
c)	Tổ chức họp, tọa đàm góp ý					
-	Chủ trì	Người/ buổi		200		
-	Thành viên dự	Người/ buổi		100		

d)	Ý kiến tư vấn của chuyên gia	Văn bản	500			
Đ) Xét duyệt chương trình, đề án, kế hoạch						
-	Chủ tịch Hội đồng	Người/ buổi	200			
-	Thành viên Hội đồng, thư ký	Người/ buổi	150			
-	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100			
-	Nhận xét, phản biện của Hội đồng	Bài viết	300			
-	Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng	Bài viết	200			
e)	Ý kiến thẩm định chương trình, đề án, kế hoạch	Bài viết	500			Đối với trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt
g)	Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch	Văn bản	500			
3. Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt						
a)	Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt Câu lạc bộ pháp luật	Người/ngày	50			Không quá 01 ngày
b)	Chi tiền nước uống cho người dự sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt	Người/buổi	20			
4. Chi tổ chức cuộc thi, hội thi						
a)	Thuê văn nghệ, diễn viên cho cuộc thi sân khấu	Người/ngày	450			
b)	Chi giải thưởng					Đây là các mức chi tối đa, tùy theo quy mô và địa bàn tổ chức từng cuộc thi để quyết
-	Giải nhất:					
+	Tập thể	Giải	15.000	12.000	9.000	
+	Cá nhân	Giải	9.000	7.000	5.000	
-	Giải nhì:					
+	Tập thể	Giải	10.500	8.500	6.500	
+	Cá nhân	Giải	4.500	3.500	2.500	
-	Giải ba:					
+	Tập thể	Giải	7.500	6.000	4.500	
+	Cá nhân	Giải	3.000	2.500	1.500	
-	Giải khuyến khích:					

+	Tập thể	Giải	4.500	3.500	2.500	định mức chi giải thưởng cụ thể nhưng không vượt định mức chi tối đa này
+	Cá nhân	Giải	1.500	1.200	900	
-	Giải phụ khác	Giải	750	600	500	
5.	Chi thực hiện báo cáo thống kê về hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở					
a)	Thu thập thông tin, xử lý số liệu báo cáo của địa phương	Báo cáo	75			
b)	Báo cáo của UBND các cấp	Báo cáo	4.500	3.500	2.500	
6.	Các khoản chi công tác hòa giải ở cơ sở					
a)	Chi thù lao cho hòa giải viên					
-	Đối với các hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ, việc hòa giải	Vụ, việc	300			
-	Trường hợp vụ, việc hòa giải thành theo Điều 24 Luật Hòa giải ở cơ sở	Vụ, việc	400			
b)	Chi hỗ trợ hoạt động của Tổ hòa giải (chi mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải)	Tổ hoà giải/tháng	150			